

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 25-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lên;
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 96/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số xyz, ấp BC 1, xã TT, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà T2, sinh năm 19xy;
2. Ông Đào Văn D, sinh năm 19xy;
Cùng địa chỉ: Ấp BC 1, xã TT, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971.
2. Bà Nguyễn Lê Thanh T3, sinh năm 1996.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông S, bà T3: Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Số xyz, ấp BC 1, xã TT, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

(Theo hợp đồng ủy quyền chứng thực số: 120 ngày 05/12/2023 tại UBND xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T trình bày như sau:

Bà Lê Thị Thùy T với bà T2 (tên gọi khác: Phạm Thị T2), ông Đào Văn D là chỗ quen biết nhau; bà T đã cho bà T2, ông D mượn tiền để chuyển vào tài khoản khách hàng của bà T2, ông D nhiều lần; chuyển cho nhiều người với tổng số tiền là 187.870.000 đồng; bà T2 và ông D đã trả cho bà T được 03 lần tiền, tổng cộng là 23.000.000 đồng; còn nợ lại số tiền 164.870.000 đồng; bà T2 và ông D có làm giấy xác nhận nợ ghi ngày 25/02/2023 cam kết trả mỗi tháng là 10.000.000 đồng đến khi hết nợ, nhưng bà T2 và ông D chỉ trả được 23.500.000 đồng thì không tiếp tục trả.

Bà T yêu cầu bà T2 và ông D phải trả số tiền còn nợ là 141.370.000 đồng và trả lãi suất 0,75% tính từ ngày 27/10/2023 cho đến ngày Tòa án xử vụ án.

Bị đơn bà T2 trình bày:

Bà T2 và ông Đào Văn D là vợ chồng, đăng ký kết hôn khoảng 20 năm; bà T2 và ông D có vay tiền bà T qua hình thức nhờ chuyển khoản hộ nhiều lần, cho nhiều người với số tiền tổng cộng là 187.870.000 đồng, trong đó có cả tiền phí chuyển tiền, mục đích để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình; bà T2 và ông D có trả tiền nợ và còn nợ lại bà T 140.370.000 đồng. Bà T2 và ông D có ký vào giấy xác nhận nợ ngày 25/02/2023 đối với số tiền còn nợ.

Bà T2 thừa nhận bà và ông D còn nợ bà T số tiền 140.370.000 đồng, đồng ý trả lãi là 0,75%, nhưng đề nghị cho trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Đào Văn D vắng mặt và không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Lê Thanh T3 do bà Lê Thị Thùy T đại diện thống nhất như ý kiến trình bày của bà T và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vụ án không hòa giải được do bị đơn ông Đào Văn D vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T vẫn giữ yêu cầu các bị đơn bà T2 và ông Đào Văn D trả số tiền 140.370.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 27/10/2023 đến ngày 25/01/2024; không đồng ý cho bị đơn trả dần.

Bị đơn bà Phạm Thị Bích T2, ông Đào Văn D vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Thùy T khởi kiện bà T2, ông Đào Văn D yêu cầu trả nợ vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn bà T yêu cầu các bị đơn bà T2, ông D trả tiền nợ gốc và yêu cầu trả lãi. Các bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[3] Bị đơn bà T2 và ông Đào Văn D vắng mặt, nhưng đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về yêu cầu trả nợ gốc: Theo biên nhận ngày 25/02/2023 và sự khai nhận của đương sự thì bà T2 và ông D có vay tiền của bà T nhiều lần để nhờ bà T chuyển cho nhiều người, nhiều lần và còn nợ lại số tiền là 140.370.000 đồng. Bà T2 đồng ý trả nợ và trả tiền lãi cho bà T với mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ. Như vậy, có căn cứ xác định giữa bà T với bà T2 và ông D đã xác lập hợp đồng vay tài sản; hợp đồng được xác lập theo ý chí tự nguyện của các bên; mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và phát sinh về quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết. Thực hiện nghĩa vụ đến ngày 27/10/2023, bà T2 và ông D đã trả cho bà T được 23.500.000 đồng, còn nợ lại 140.370.000 đồng nên bà T2 và ông D phải trả cho bà T số tiền nợ còn lại là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu trả nợ lãi: Bà T yêu cầu bà T2 và ông D trả lãi 0,75%/tháng tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ là thấp hơn mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn tự nguyện nên bà T2 và ông D phải có nghĩa vụ trả lãi 0,75%/tháng của số tiền 140.370.000 đồng cho bà T tính từ ngày 27/10/2023 đến ngày 25/01/2024 (02 tháng 29 ngày) là 3.123.200 đồng là có căn cứ.

[6] Về đề nghị trả nợ dần: Bị đơn bà T2 thừa nhận nợ nhưng đề nghị bà T cho trả dần đến khi hết nợ, nhưng bà T không đồng ý cho trả dần và pháp luật cũng không quy định bên có nghĩa vụ tài sản được trả dần cho nên đề nghị của bị đơn bà T2 không có căn cứ chấp nhận.

[7] Như đã phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; ý kiến đề nghị xin trả dần của bị đơn bà T2 không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà T2 và ông D phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, 35, 39 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà Lê Thị Thùy T đối với bà T2 và ông Đào Văn D về yêu cầu liên đới trả nợ theo Biên nhận ngày 25/02/2023.

- Buộc bà T2 và ông Đào Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Thùy T số tiền nợ gốc là 140.370.000 đồng và tiền nợ lãi là 3.123.200 đồng; tổng cộng là 143.493.200 đồng.

- Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bà T2 và ông Đào Văn D phải liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm là 7.174.600 đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thùy T 3.534.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003069 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương